

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH LỢI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30 – 9 – 2021.

*Về việc ly hôn.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Trang Thảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Vĩnh

2. Ông Phạm Văn Sáu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Nhứt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2021/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2021 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà A trình bày: Vào năm 1997, bà A với ông B tự nguyện chung sống với nhau, có đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Bà A và ông B đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H) và được Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H) chứng nhận vào ngày 26 tháng 12 năm 1997.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống, bà A với ông B thường cãi nhau, ông B có hành vi đánh bà B nên cuộc sống chung không hạnh phúc. Bà A với ông B đã ly thân vào khoảng tháng 3 năm 2020, sau khi ly thân bà A với ông B không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà A yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà A với ông B có hai con chung là chị Đ, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998 và anh D, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2001, hiện chị Đ và anh D đã trưởng thành nên bà A không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà A với ông B có 01 căn nhà tọa lạc số 1<sup>c</sup>35/55 ấp 1, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, hiện con bà A và anh B đang sử dụng. Tài sản này, bà A và ông B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra không còn tài sản nào khác.

Về nợ chung: Bà A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, từ khi Tòa án thụ lý đến khi xét xử, bị đơn ông B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có lời khai của ông B. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do bà A cung cấp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B, xử cho bà A được ly hôn với ông B; về con chung, chị Đ, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998 và anh D, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2001 đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết; về nợ chung, bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết. Bà A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Bà A nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với ông Đặng Văn B. Khi khởi kiện, ông B có địa chỉ tại ấp N, thị trấn H, huyện V, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông B đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, bà A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A và ông B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà A và ông B tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H (nay là thị trấn H), huyện V, tỉnh Bạc Liêu cấp Giấy chứng nhận vào ngày 26 tháng 12 năm 1997 nên hôn nhân giữa bà A và ông B là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Bà A xác định trong thời gian chung sống, giữa bà A với ông B phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, ông B có hành vi

đánh bà A nên khoảng tháng 3 năm 2020 bà A với ông B đã sống ly thân đến nay, sau khi ly thân bà A và ông B không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông B biết bà A yêu cầu ly hôn nhưng không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà A. Tại biên bản xác minh ngày 09 tháng 9 năm 2021, bà Th xác định khoảng năm 2020 đến nay, bà A với ông B không còn chung sống với nhau. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa bà A và ông B đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà A yêu cầu được ly hôn với ông B là có căn cứ, phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử xử cho bà A ly hôn với ông B.

[5] Về con chung: Bà A với ông B có hai con chung là chị Đ, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998 và anh D, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2001, hiện chị Đ và anh D đã trưởng thành, bà A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, bà A xác định quá trình chung sống, bà A với ông B có tạo lập 01 căn nhà tọa lạc số 1<sup>c</sup>35/55 ấp 1, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh, hiện con của bà A và anh B đang sử dụng. Tài sản này, bà A và ông B tự thỏa thuận, bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, bà A và ông B có yêu cầu Tòa án giải quyết thì được xem xét, giải quyết trong vụ án chia tài sản sau khi ly hôn.

[7] Về nợ chung, bà A xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà A phải chịu 300.000 đồng, bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai thu số 0008610 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

[9] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

**1.** Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A đối với ông B. Xử cho bà A được ly hôn với ông B.

**2.** Về con chung: Chị Đ, sinh ngày 21 tháng 11 năm 1998 và anh D, sinh ngày 18 tháng 6 năm 2001 đã trưởng thành, bà A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

**3.** Về tài sản chung: Bà A và ông B tự thỏa thuận, bà A không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà A không yêu cầu giải quyết do không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

**4.** Án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, bà A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0008610 ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi được chuyển thu án phí.

**5.** Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bạc Liêu (1b);
- VKSND huyện Vĩnh Lợi (1b);
- Chi Cục THADS huyện Vĩnh Lợi (1b);
- UBND thị trấn Châu Hưng, huyện Vĩnh Lợi (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ (1b); VP (3b).

**Ngô Trang Thảo**